

Số: 18/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 423, Điều 424, Điều 427, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 202.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu B, phường M, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L; địa chỉ: tầng A, số C, lô D khu đô thị M, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

Người nhận ủy quyền lại: anh Vũ Văn H1 và anh Vũ Hữu H2; địa chỉ liên hệ: tầng 1, số C, lô D khu đô thị M, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: đường H, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Lê Thị D, là Trưởng phòng Thủ tục dịch vụ và Chăm sóc khách hàng; địa chỉ: tổ C, khu C, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH L1 (Việt Nam); địa chỉ: đường H, phường B, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ D, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận số TT09-04/2021/HLS, ngày 09/10/2021, ký kết giữa Công ty cổ phần Đ và bà Hoàng Thị H.

2.2 Về phương án hoàn trả số tiền 2.334.960.000 (hai tỷ, ba trăm ba mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn) đồng như sau:

Đợt 1: Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 233.496.000 (hai trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể ngày ký Biên bản hòa giải (ngày 29/7/2025).

Đợt 2: Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 466.992.000 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày hoàn trả tiền đợt 1; tiền lãi của số tiền 466.992.000 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng được tính kể từ ngày ký Biên bản hòa giải (ngày 29/7/2025) đến ngày hoàn trả tiền đợt 2; lãi suất áp dụng bằng lãi suất tiền gửi có cùng kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Đợt 3: Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 466.992.000 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hoàn trả đợt 2; tiền lãi của số tiền 466.992.000 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng được tính kể từ ngày ký Biên bản hòa giải (ngày 29/7/2025) đến ngày hoàn trả tiền đợt 3; lãi suất áp dụng bằng lãi suất tiền gửi có cùng kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Đợt 4: Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 1.167.480.000 (một tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày hoàn trả đợt 3; tiền lãi của số tiền 1.167.480.000 (một tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) đồng được tính kể từ ngày ký Biên bản hòa giải (ngày 29/7/2025) đến ngày hoàn trả tiền đợt 4; lãi suất áp dụng bằng lãi suất tiền gửi có cùng kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trường hợp Công ty cổ phần Đ vi phạm bất kỳ Đợt hoàn trả tiền nào nêu trên thì được xác định là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả tiền. Bà Hoàng Thị H có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền chưa hoàn trả; lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 15%/năm/trên số tiền chưa hoàn trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Công ty cổ phần Đ chịu 39.349.600 (ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Hoàng Thị H 43.852.000 (bốn mươi ba triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001964 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- VKSND khu vực 1-QN;
- Thi hành án DS tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An